

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HS-ST
Ngày 30-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vàng A Hý** và ông **Hà Công Nghiệp**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lò Văn Hương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Lê Xuân Chiến**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Quàng Văn K, sinh năm 1955, tại tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Nhóm H, bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Quàng Văn S, đã chết; Con bà: Quàng Thị Á, đã chết.

Bị cáo có vợ Quàng Thị M, sinh năm 1967 và 09 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2022 đến ngày xét xử, bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn K:** Ông Lương Văn B, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Giàng A K, chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã N, xin xét xử vắng mặt.

*** Người được triệu tập đến phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy T, Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện N, tỉnh Điện Biên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Quảng Thị M, sinh năm 1967, đại chỉ nhóm H, bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

2. Quảng Thị P, sinh năm 1994, đại chỉ nhóm H, bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

3. Bạch Văn T, Kiểm lâm viên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2022, Quảng Văn K mang theo dao quắm đến khu vực rừng thuộc địa phận nhóm H, bản H, xã N, huyện N thuộc khoảnh 2, tiểu khu 471A quy hoạch rừng sản xuất để phát cây rừng lấy đất làm nương. Bị cáo chặt phát liên tiếp trong 07 buổi sáng thì xong đám rừng có diện tích theo biên bản khám nghiệm hiện trường là 6.309,09 m². Trong thời gian chặt phát rừng cùng bị cáo còn có vợ Quảng Thị M và con gái Quảng Thị P. Tuy nhiên bị cáo nói với vợ và con gái là đã xin phép UBND xã nên cứ tiến hành phát nương bình thường. Đến ngày 17/01/2022, bị cáo bị cơ quan Kiểm lâm phát hiện, UBND xã N đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với bị cáo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 05/3/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện N xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản tại khu vực rừng đã bị hủy hoại trị giá 4.053.550 đồng.

Cáo trạng số 28/CT-VKSNP ngày 05/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Quảng Văn K về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Quảng Văn K từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội Hủy hoại rừng. Không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 4.053.550 đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Đại diện cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên là nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền Hội đồng định giá về tài sản đã xác định. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Quảng Văn K có tội. Các chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quảng Văn K có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Bị cáo Quảng Văn K đã hủy hoại với mức độ thiệt hại trên diện tích rừng bị phá 6.309,09 m², khối lượng gỗ bị chặt phá trên diện tích phá rừng trái pháp luật 1,811 m³ gỗ tròn các loại từ nhóm V đến nhóm VIII; củi tận thu trên diện tích rừng bị phá 2,877 m³. Mức độ thiệt hại 100%. Tổng giá trị thiệt hại tính bằng tiền theo kết luận định giá tài sản của cơ quan định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 4.053.550 đồng. Diện tích rừng bị cáo hủy hoại trong khoảng từ 5.000 m² đến dưới 10.000 m² thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1

Điều 243 của Bộ luật hình sự với mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 đến 05 năm.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Quảng Văn K là người dân tộc Thái sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể ở xã, bản đã tuyên truyền về chính sách phát triển, bảo vệ rừng nhưng do bị cáo nhận thức không đầy đủ nên để có diện tích làm nương phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống bị cáo đã cố tình phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại 4.053.550 đồng; bố đẻ của bị cáo là ông Quảng Văn S được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, lai lịch nhân thân rõ ràng. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật của Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải áp dụng hình phạt cách ly đối với bị cáo mà áp dụng áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để chính quyền địa phương cùng gia đình giúp đỡ cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Quảng Văn K.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền 4.053.550 đồng theo các biên lai thu tiền số 2813 ngày 31/5/2022; 2843, 2844 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Hạt Kiểm lâm huyện N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về vật chứng: Vật chứng thu giữ của gia đình bị cáo 02 con dao quắm là phương tiện bị cáo sử dụng chặt phá cây rừng. Vật chứng này tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là toàn bộ số lượng củi, gỗ tận thu để lại trên hiện trường, do chi phí vận chuyển lớn, lực lượng Kiểm lâm mỏng, đường xá đi lại khó khăn. Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao cho UBND xã N trông coi số vật chứng trên không để mất mát, tự phân hủy tại hiện trường để cải tạo đất rừng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

[12] Các vấn đề khác: Trong thời gian chặt phát rừng cùng bị cáo còn có vợ Quàng Thị M và con gái Quàng Thị P. Tuy nhiên bị cáo nói với vợ và con gái là đã xin phép UBND xã nên cứ tiến hành phát nương bình thường. Hành vi của Quàng Thị M và Quàng Thị P không cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử không xem xét. Con dao quắm của bị cáo dùng để chặt phá rừng đã bị mất, thất lạc, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không truy tìm được. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; Điểm d Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Quàng Văn K** phạm tội "**Hủy hoại rừng**".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Quàng Văn K 18** (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Quàng Văn K cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ một phần thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 22/LCCT-TA ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với Quàng Văn K.

Bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Quàng Văn K đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền 4.053.550 (Bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng theo các biên lai thu tiền số 2813 ngày 31/5/2022; 2843, 2844 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Bị cáo đã thi hành xong trách nhiệm bồi thường dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 con dao quảm có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 09 giờ 30 phút ngày 28/7/2022 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Quàng Văn K có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/9/2022. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên

quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân